

CÔNG TY: CÔNG TY CP SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: 47/115 Nguyễn Khang, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 04.3783.2398 Fax: 04.3783.2397

Báo cáo tài chính

Quý I Năm tài chính: 2011

Mẫu số: Q-01d

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN			-	-
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		384.446.967.077	359.380.483.668
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		13.553.856.697	36.196.879.083
1. Tiền	111	V.1	13.553.856.697	36.196.879.083
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		241.436.131.790	238.925.886.430
1. Phải thu khách hàng	131		90.667.506.818	110.044.606.221
2. Trả trước cho người bán	132		13.335.546.273	12.377.885.813
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	137.433.078.699	116.503.394.396
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		101.970.094.057	71.374.056.996
1. Hàng tồn kho	141	V.4	101.970.094.057	71.374.056.996
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.486.884.533	12.883.661.159
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9.362.757.148	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.584.841.339	3.884.242.746
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		11.539.286.046	8.999.418.413
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		158.701.055.895	152.745.009.580
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.6	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.7	-	-
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		56.757.679.531	51.301.633.216
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	37.668.439.297	33.702.831.060
- Nguyên giá	222		83.387.767.189	77.717.039.916
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.719.327.892)	(44.014.208.856)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		500.000.000	500.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(500.000.000)	(500.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	19.089.240.234	17.598.802.156
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		93.127.300.000	92.627.300.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		73.440.800.000	72.940.800.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	22.932.500.000	22.932.500.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(3.246.000.000)	(3.246.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		8.816.076.364	8.816.076.364
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	8.816.076.364	8.816.076.364
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		543.148.022.972	512.125.493.248
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		417.195.316.621	386.811.261.386
I. Nợ ngắn hạn	310		379.745.063.579	365.865.000.567
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	257.108.458.138	237.700.899.568
2. Phải trả người bán	312		42.213.802.967	39.880.672.060
3. Người mua trả tiền trước	313		51.005.005.277	49.288.722.193
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	8.405.288.294	11.101.451.273
5. Phải trả người lao động	315		4.022.610.035	4.232.075.704
6. Chi phí phải trả	316	V.17	10.514.786.868	12.464.927.361
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	8.089.515.838	8.439.553.918
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			3.560.302.328
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.22	(1.614.403.838)	(803.603.838)
II. Nợ dài hạn	330		37.450.253.042	20.946.260.819
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	32.774.353.154	19.824.259.334
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.115.597.560	1.122.001.485
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		3.560.302.328	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.22	125.952.706.351	125.314.231.862
I. Vốn chủ sở hữu	410		125.952.706.351	125.314.231.862
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		70.000.000.000	70.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.912.177.227	11.927.177.227
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		18.717.600.959	18.717.600.959
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.051.918.583	2.051.918.583
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		23.271.009.582	22.617.535.093
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		543.148.022.972	512.125.493.248
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG			-	-
1. Tài sản thuê ngoài	01		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		1.215.132.371	1.215.132.371
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký c ược	03		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		-	-
5. Ngoại tệ các loại	05		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		-	-

CÔNG TY: CÔNG TY CP SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: 47/115 Nguyễn Khang, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 04.3783.2398 Fax: 04.3783.2397

Báo cáo tài chính

Quý I Năm tài chính: 2011

Mẫu số: Q-02d

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	14.450.417.899	32.546.087.874	14.450.417.899	32.546.087.874
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		14.450.417.899	32.546.087.874	14.450.417.899	32.546.087.874
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	12.254.248.777	23.567.485.264	12.254.248.777	23.567.485.264
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		2.196.169.122	8.978.602.610	2.196.169.122	8.978.602.610
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	6.160.990.442	174.602.016	6.160.990.442	174.602.016
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	6.372.333.075	-239.189.512	6.372.333.075	-239.189.512
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.372.333.075	1.541.068.624	6.372.333.075	1.541.068.624
8. Chi phí bán hàng	24		0	0	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.237.998.502	5.390.352.413	1.237.998.502	5.390.352.413
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) - (24+25)}	30		746.827.987	4.002.041.725	746.827.987	4.002.041.725
11. Thu nhập khác	31			16.800.594	0	16.800.594
12. Chi phí khác	32			9.585.626	0	9.585.626
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		0	7.214.968	0	7.214.968
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		0	0	0	0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		746.827.987	4.009.256.693	746.827.987	4.009.256.693
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.30	93.353.498	501.157.087	93.353.498	501.157.087
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		653.474.489	3.508.099.606	653.474.489	3.508.099.606
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		0	0	0	0
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		0	0	0	0
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		93	877	93	877

CÔNG TY: CÔNG TY CP SOMEKO SÔNG ĐÀ
Địa chỉ: 47/115 Nguyễn Khang, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 04.3783.2398 Fax: 04.3783.2397

Báo cáo tài chính
Quý I Năm tài chính: 2011
Mẫu số: Q-03d

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			-	-
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		106.876.618.970	167.113.906.973
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(23.680.848.775)	(21.124.419.105)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.983.415.756)	(13.530.732.170)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(12.287.101.004)	(5.001.364.214)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.473.295.603)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		13.230.258.187	17.724.492.415
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(78.998.800.182)	(62.646.705.385)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.316.584.163)	82.535.178.514
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		97.953.429	168.199.186
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		97.953.429	168.199.186
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		20.469.251.381	7.118.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(36.893.643.033)	(81.023.470.921)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.424.391.652)	(73.905.470.921)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(22.643.022.386)	8.797.906.779
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		36.196.879.083	12.755.661.284
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		13.553.856.697	21.553.568.063

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý I/2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý I năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn :** Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh :** Sản xuất, gia công và lắp đặt công trình cơ khí
- 3. Hoạt động chính trong năm :** Hoạt động về kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan; Dịch vụ thiết kế kết cấu, Thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình; Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Sản xuất, mua bán khí ôxy; Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân.

4. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011 Công ty có 728 nhân viên đang làm việc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý I/2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý I/2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Giá trị thương hiệu Sông Đà

Giá trị thương hiệu Sông Đà

Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định bằng 5% vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 294TC/HDQT ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu Sông Đà được khấu hao trong thời gian 05 năm và đã khấu hao hết.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê văn phòng trả trước

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phần diện tích Công ty đang sử dụng. Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý I/2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 3% trên doanh thu các công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành và có mức độ rủi ro cao.

Các hợp đồng có rủi ro lớn

Khoản dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận khi các lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng thấp hơn chi phí bắt buộc phải trả của cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý I/2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý I/2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

17. Hợp đồng xây dựng

Doanh thu được ghi nhận khi công trình có quyết toán A-B hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn đối với các công trình có thời gian thi công dài và Phiếu giá thanh toán của chủ đầu tư. Các công trình đã có dự toán được phê duyệt thì giá trị hạch toán doanh thu là giá trị quyết toán công trình (không bao gồm thuế GTGT) mà Công ty được hưởng. Đối với các công trình chưa có dự toán được phê duyệt thì giá trị doanh thu hạch toán bằng giá trị được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán theo Phiếu giá.

Các khoản chênh lệch giữa giá trị quyết toán công trình được chủ đầu tư duyệt và doanh thu đã được ghi nhận trong các kỳ trước được điều chỉnh tăng hoặc giảm doanh thu trong kỳ phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư.

Chi phí xác định kết quả:

- Đối với các công trình đã hoàn thành, nghiệm thu bàn giao hoặc được chủ đầu tư phê duyệt quyết toán thì toàn bộ chi phí tập hợp cho công trình đó được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.
- Đối với các công trình có thời gian thi công dài mà doanh thu được ghi nhận theo khối lượng xây lắp hoàn thành thì giá vốn để xác định kết quả kinh doanh tương ứng với khối lượng xây lắp đã hoàn thành, trong đó:

$$\text{Giá vốn} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ từng CT, HMCT} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ từng CT, HMCT}}{\text{Sản lượng dở dang đầu kỳ từng CT, HMCT} + \text{Sản lượng thực hiện trong kỳ từng CT, HMCT}} \times \text{Doanh thu được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán}$$

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý I/2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	6.697.937.019	5.304.000.772
Tiền gửi ngân hàng	6.855.919.678	30.892.878.311
Cộng	13.553.856.697	36.196.879.083

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng là các bên liên quan:		18.668.497.577
<i>Công ty Cổ phần Năng lượng Someco I</i>		2.243.889.189
<i>Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình</i>	376.137.941	879.178.151
<i>Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco</i>	5.836.817.025	13.380.543.168
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà Hoàng Liên</i>	3.443.718.624	2.164.887.069
Các khách hàng khác	81.010.833.228	91.376.108.644
Cộng	90.667.506.818	110.044.606.221

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp là các bên liên quan:		7.328.015.013
<i>Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình</i>		1.735.479.952
<i>Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco</i>	4.270.627.076	3.689.450.626
<i>Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco</i>	1.903.084.435	1.903.084.435
Các nhà cung cấp khác	7.161.834.762	5.049.870.800
Cộng	13.335.546.273	12.377.885.813

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý I/2011**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****4. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
BHXH, BHYT thu qua lương nhân viên	98.909.244	82.997.419
1% bảo hiểm thất nghiệp phải thu CBCNV	33.471.061	31.025.839
Bảo hiểm thân thể thu qua lương nhân viên	4.287.100	4.518.100
Tiền điện thoại, điện nước phải thu nhân viên	8.275.300	4.560.525
Công ty Cổ phần Chính xác Vinashin	70.691.470	70.691.470
Công ty Cổ phần Sông Đà 7 – mua cổ phiếu	1.040.000.000	1.040.000.000
Công ty TNHH Điện Xekaman 3 – tiền ứng hợp đồng tổng thầu	1.402.696.349	1.402.696.349
Phải thu khác các Công ty con:	134.743.412.615	0
<i>Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco</i>	<i>4.770.124.765</i>	<i>447.170.997</i>
<i>Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco</i>	<i>5.541.189.998</i>	<i>4.689.607.077</i>
<i>Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình</i>	<i>124.422.865.197</i>	<i>108.699.994.655</i>
<i>Công ty Cổ phần Năng lượng 1 Someco</i>	<i>9.232.655</i>	<i>9.232.655</i>
<i>Công ty Cổ phần Someco Hà Giang</i>		<i>6.187.326</i>
Các khoản phải thu khác	31.335.560	14.711.984
Cộng	137.433.078.699	116.503.394.396

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường		
Nguyên liệu, vật liệu	9.144.883.920	7.368.779.359
Công cụ, dụng cụ	484.250.021	552.707.964
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	92.340.960.116	63.452.569.673
Cộng	101.970.094.057	71.374.056.996

6. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	11.098.914.811	8.721.434.417
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	440.371.235	277.983.996
Cộng	11.539.286.046	8.999.418.413

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý I/2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.959.985.000	52.467.808.251	22.134.971.981	1.154.274.684		77.717.039.916
Tăng do điều chuyển nội bộ		278.000.000	5.392.727.273			5.670.727.273
Số cuối kỳ	1.959.985.000	52.745.808.251	27.527.699.254	1.154.274.684		83.387.767.189
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	1.959.985.000	26.341.914.019	14.914.949.902	797.359.935		44.014.208.856
Tăng trong kỳ do khấu hao		1.186.586.580	499.354.806	19.177.650		1.705.119.036
Số cuối kỳ	1.959.985.000	27.528.500.599	15.414.304.708	816.537.585		45.719.327.892
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	0	26.125.894.232	7.220.022.079	356.914.749		33.702.831.060
Số cuối kỳ	0	25.217.307.652	12.113.394.546	337.737.099		37.668.439.297

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý I/2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là Thương hiệu Sông Đà:	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	500.000.000	500.000.000	0
Tăng trong kỳ			
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	500.000.000	500.000.000	0

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	71.600.000	6.130.487.183	5.670.727.273	531.359.910
XDCB dở dang – Xưởng cơ khí Đà Nẵng (i)	17.527.202.156	1.030.678.168		18.557.880.324
Cộng	17.598.802.156	7.161.165.351	5.670.727.273	19.089.240.234

10. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 ⁽ⁱ⁾	2.904.080	29.040.800.000	2.904.080	29.040.800.000
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang ⁽ⁱⁱ⁾	2.675.000	26.750.000.000	2.625.000	26.250.000.000
Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình ⁽ⁱⁱⁱ⁾	765.000	7.650.000.000	765.000	7.650.000.000
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco ^(iv)		5.000.000.000		5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco ^(v)		5.000.000.000		5.000.000.000
Cộng		73.440.800.000		72.940.800.000

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		10.362.500.000		10.362.500.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	120.000	7.362.000.000	120.000	7.362.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama				
Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	100.000	3.000.500.000	100.000	3.000.500.000
Đầu tư dài hạn khác		12.570.000.000		12.570.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý I/2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà Hoàng Liên	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
+ <i>Vốn của Công ty</i>	619.950	6.199.500.000	619.950	6.199.500.000
+ <i>Vốn nhận ủy thác đầu tư</i>	80.050	800.500.000	80.050	800.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc	357.000	3.570.000.000	357.000	3.570.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
+ <i>Vốn của Công ty</i>		850.000.000		850.000.000
+ <i>Vốn nhận ủy thác đầu tư</i>		1.150.000.000		1.150.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Điện Biên				
Công ty Cổ phần Năng lượng Cao Bằng				
Cộng		22.932.500.000		22.932.500.000

12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu đã niêm yết. Tình hình biến động như sau:

Số đầu năm	3.246.000.000
Trích lập dự phòng bổ sung	
Hoàn nhập dự phòng	
Số cuối kỳ	3.246.000.000

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Tiền thuê đất	8.816.076.364			8.816.076.364
Cộng	8.816.076.364			8.816.076.364

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	183.202.688.780	159.725.951.390
- <i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoà Bình</i>	116.745.098.462	113.236.697.453
- <i>Ngân hàng TMCP An Bình</i>	46.489.253.937	46.489.253.937
- <i>Ngân hàng PG bank</i>	19.968.336.381	
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	73.905.769.358	67.292.854.358
- <i>Vay Công ty Cổ phần Tài chính Sông Đà</i>	73.404.854.358	67.292.854.358

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý I/2011**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- <i>Vay cá nhân</i>	500.915.000	
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.25)		10.682.093.820
Cộng	<u>257.108.458.138</u>	<u>237.700.899.568</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	159.725.951.390	58.948.380.423		35.471.643.033	183.202.688.780
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	67.292.854.358			6.612.915.000	73.905.769.358
Vay dài hạn đến hạn trả	10.682.093.820		10.682.093.820		0
Cộng	<u>237.700.899.568</u>	<u>58.948.380.423</u>	<u>10.682.093.820</u>	<u>42.084.558.033</u>	<u>257.108.458.138</u>

15. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp là các bên liên quan:		11.815.777.144
<i>Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco</i>	504.769.528	28.949.008
<i>Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình</i>	1.465.466.962	7.305.521.617
<i>Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Hoàng Đạt</i>		4.481.306.519
Các nhà cung cấp khác	40.243.566.477	28.064.894.916
Cộng	<u>42.213.802.967</u>	<u>39.880.672.060</u>

16. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng là các bên liên quan:	8.610.784.588	8.610.784.588
<i>Công ty Cổ phần Năng lượng Someco I</i>	6.013.746.588	6.013.746.588
<i>Công ty Cổ phần Someco Hà Giang</i>	2.597.038.000	2.597.038.000
Các khách hàng khác	42.394.220.689	40.677.937.605
Cộng	<u>51.005.005.277</u>	<u>49.288.722.193</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý I/2011**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.354.810.210	245.399.811	700.000.000	3.900.210.021
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.030.211.852	93.353.498	2.473.295.603	3.650.269.747
Thuế thu nhập cá nhân	716.429.211	138.379.315		854.808.526
Thuế nhà đất				
Các loại thuế khác		5.000.000	5.000.000	
Cộng	11.101.451.273	482.132.624	3.178.295.603	8.405.288.294

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp, kinh doanh điện nước và dịch vụ khác 10%

Bán vật tư, thiết bị 5% - 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 02 năm tiếp theo.

Ngoài ra, Công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán từ năm 2006, theo quy định tại Công văn số 10997/BTC-CST ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài chính, Công ty sẽ được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm tính từ khi kết thúc thời hạn miễn, giảm thuế.

Năm tài chính 2006 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi. Như vậy, Công ty sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong các năm 2006, 2007 và giảm 50% số thuế phải nộp trong các năm 2008, 2009, 2010 và 2011.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Quý I năm nay	Quý I năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	746.827.987	4.009.256.693
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	0	0
Thu nhập chịu thuế	746.827.987	4.009.256.693
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	186.706.996	1.002.314.173

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý I/2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Quý I năm nay	Quý I năm trước
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</i>	93.353.498	501.157.086
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	93.353.498	501.157.087

18. Chi phí phải trả

Các chi phí xây lắp đã có Biên bản nghiệm thu khối lượng với nhà cung cấp nhưng chưa có đầy đủ hóa đơn, chứng từ, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cơ khí Chính xác Vinashin	2.929.266.674	2.929.266.674
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	1.741.455.801	1.741.455.801
Chủ máy Phạm Thị Vóc	220.521.166	220.521.166
Công ty Cổ phần Xi Măng Hạ Long	1.395.950.663	1.395.950.663
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Hoàng Đạt	529.440.644	
Công ty Cổ phần Narime	41.875.618	4.187.567.945
Công trình Thủy điện Khe Bô	12.154.000	
Chi phí Ban điều hành, phí B chính	1.243.418.739	1.236.082.238
Công ty TNHH CAM Hoàng Long	461.912.618	182.912.618
Phí ban điều hành dự án Thủy điện Nậm Chiến		320.137.055
Các nhà thầu phụ khác	1.938.790.945	251.033.201
Cộng	10.514.786.868	12.464.927.361

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	514.011.056	737.617.975
Bảo hiểm xã hội	797.032.018	1.183.641.239
Bảo hiểm y tế	150.972.442	150.099.830
Bảo hiểm thất nghiệp	70.683.252	133.924.228
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	17.450.460	17.450.460
Phải trả Tập đoàn Sông Đà	2.994.456.415	2.991.067.463
Quỹ tự nguyện Someco Sông Đà	507.246.952	507.246.952
1% kinh phí công đoàn để lại cơ sở	81.248.427	179.300.399
Kinh phí hoạt động công tác Đảng	3.930.668	
Nhận ủy thác đầu tư cổ phiếu:	2.292.800.000	2.292.800.000
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên (trong đó số chưa mua cổ phiếu là 342.300.000 VND)</i>	<i>1.142.800.000</i>	<i>1.142.800.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà</i>	<i>1.150.000.000</i>	<i>1.150.000.000</i>
Các khoản phải trả khác	659.684.148	246.405.372
Cộng	8.089.515.838	8.439.553.918

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý I/2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	(264.518.534)		805.800.000	(1.070.318.534)
Quỹ phúc lợi	(539.085.304)		5.000.000	(544.085.304)
Cộng	(803.603.838)		810.800.000	(1.614.403.838)

21. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoà Bình	22.575.924.560	13.915.830.740
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô	631.705.000	31.705.000
Ngân hàng PG bank – CN Hà Nội	3.690.000.000	
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đồng Đa	5.876.723.594	5.876.723.594
Cộng	32.774.353.154	19.824.259.334

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống		
Trên 1 năm đến 5 năm	32.774.353.154	19.824.259.334
Trên 5 năm		
Tổng nợ	32.774.353.154	19.824.259.334

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	19.824.259.334
Số tiền vay phát sinh	3.690.000.000
Số tiền vay đã trả	1.422.000.000
Kết chuyển trong kỳ	10.682.093.820
Số cuối kỳ	32.774.353.154

22. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	1.122.001.485
Số đã chi trợ cấp CBCNV	6.403.925
Số cuối kỳ	1.115.597.560

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý I/2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	70.000.000.000	11.927.177.227	18.717.600.959	2.051.918.583	22.617.535.093	125.314.231.862
Lợi nhuận trong kỳ					653.474.489	653.474.489
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước						
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước						
Giảm thặng dư vốn do chi phí niêm yết		15.000.000				15.000.000
Số dư cuối kỳ	70.000.000	11.912.177.227	18.717.600.959	2.051.918.583	23.271.009.582	125.952.706.351

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý I/2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	35.700.000.000	35.700.000.000
Vốn góp của các cổ đông	34.300.000.000	34.300.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.912.177.227	11.927.177.227
Cộng	81.912.177.227	81.927.177.227

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	7.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.000.000	4.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý I năm nay	Quý I năm trước
Tổng doanh thu	14.450.417.899	32.546.087.874
- Doanh thu bán hàng hóa	457.256.558	
- Doanh thu hoạt động xây lắp	13.361.461.933	32.546.087.874
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	631.699.408	
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- Giảm giá hàng bán		
Doanh thu thuần	14.450.417.899	32.546.087.874

Trong đó:

- Doanh thu thuần bán hàng hóa	457.256.558	
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	13.361.461.933	32.546.087.874
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và khác	631.699.408	

2. Giá vốn hàng bán

	Quý I năm nay	Quý I năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	457.256.558	

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý I/2011**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Quý I năm nay</u>	<u>Quý I năm trước</u>
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	11.338.110.830	23.567.485.264
Giá vốn của dịch vụ và khác đã cung cấp	458.881.189	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	12.254.248.777	23.567.485.264
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Quý I năm nay</u>	<u>Quý I năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	98.298.365	174.602.016
Lãi tiền cho vay thu các đơn vị	6.062.692.077	
Cộng	6.160.990.442	174.602.016
4. Chi phí tài chính		
	<u>Quý I năm nay</u>	<u>Quý I năm trước</u>
Chi phí lãi vay	6.372.333.075	1.541.068.624
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn		(1.302.000.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá		120.888
Phí kinh doanh chứng khoán		
Cộng	6.372.333.075	-239.189.512
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Quý I năm nay</u>	<u>Quý I năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	478.826.999	3.151.790.006
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	53.486.725	210.541.650
Chi phí đồ dùng văn phòng	8.272.727	232.291.087
Chi phí khấu hao TSCĐ	37.253.276	252.878.585
Thuế, phí và lệ phí	1.000.000	6.634.000
Chi phí dự phòng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.492.028	508.511.897
Chi phí bằng tiền khác		1.027.705.188
Cộng	1.237.998.502	5.390.352.413
6. Thu nhập khác		
	<u>Quý I năm nay</u>	<u>Quý I năm trước</u>
Thu nhập từ việc bán hồ sơ thầu		
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình xây lắp		
Định giá lại TSCĐ khi cổ phần hoá Công ty con		
Các khoản khác		16.800.594

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý I/2011**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Quý I năm nay</u>	<u>Quý I năm trước</u>
Cộng	0	16.800.594
7. Chi phí khác		
	<u>Quý I năm nay</u>	<u>Quý I năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu		
Lãi trả cơ quan BHXH do nộp chậm		
Các khoản khác		9.585.626
Cộng	0	9.585.626

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các bên liên quan khác***

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Công ty con
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình	Công ty con
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Công ty con
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Quý I năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tập đoàn Sông Đà</i>		
Phụ phí thầu chính		2.942.538.448
Lãi vay phải trả Tập đoàn		197.931.966
Bù trừ công nợ tiền mua xe ô tô		197.044.808
Phí đào tạo, tiền in lịch		3.822.000
<i>Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1</i>		
Giá trị công trình xây lắp Someco đã cung cấp	1.332.527.828	22.554.589.364
Dịch vụ tư vấn thiết kế cung cấp cho Công ty con		728.301.515
Chuyển tiền góp vốn vào Công ty con		11.000.000.000
Mua lại phần vốn góp của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 tại Công ty con		1.460.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý I/2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Quý I năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Someco Hà Giang</i>		
Giá trị công trình xây lắp Someco đã cung cấp		5.894.426.361
Chuyển tiền góp vốn vào Công ty con	500.000.000	8.750.000.000
<i>Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình</i>		
Phí dịch vụ thu của Công ty con	148.691.576	710.966.435
Nhượng bán vật tư thiết bị cho Công ty con	376.137.941	1.785.163.828
Lãi vay phải thu Công ty con tính trên số dư nợ	5.324.505.874	4.024.713.179
Phải thu khác	21.312.336.826	
Giá trị công trình xây lắp Công ty con cung cấp	1.358.294.335	26.381.431.517
Góp vốn bằng tiền vào Công ty con		300.000.000
Chuyển TSCĐ và nợ thành vốn góp vào Công ty con		7.350.000.000
Bàn giao tài sản và công nợ cho Công ty con		152.883.574.360
<i>Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco</i>		
Phí dịch vụ thu của Công ty con	0	211.088.557
	230.664.057	
Lãi vay phải thu Công ty con tính trên số dư nợ		674.513.477
Phải thu khác	1.322.304.443	
Công ty con cung cấp dịch vụ thiết kế	504.769.528	1.778.745.439
Góp vốn bằng tiền vào Công ty con		1.200.000.000
Chuyển TSCĐ và nợ thành vốn góp vào Công ty con		3.800.000.000
Bàn giao tài sản và công nợ cho Công ty con		9.682.617.259
<i>Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco</i>		
Phí dịch vụ thu của Công ty con	37.643.859	298.554.647
Nhượng bán vật tư thiết bị cho Công ty con		12.077.246.640
Lãi vay phải thu Công ty con tính trên số dư nợ	507.522.146	106.504.041
Phải thu khác		
Ứng tiền khối lượng công trình cho Công ty con	581.176.450	3.689.450.626
Góp vốn thành lập Công ty con		5.000.000.000
Thanh toán hộ chi phí cho Công ty con		107.828.708

Tại ngày 31/03/2011, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1</i>		
Ứng trước tiền khối lượng công trình xây lắp	6.013.746.588	6.013.746.588

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý I/2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	2.243.889.189	2.243.889.189
Phải thu khác	9.232.655	9.232.655
<i>Công ty Cổ phần Someco Hà Giang</i>		
Ứng trước tiền khối lượng công trình xây lắp	2.597.038.000	2.597.038.000
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	2.221.705.979	879.178.151
Phải thu khác		6.187.326
<i>Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình</i>		
Ứng trước tiền khối lượng công trình xây lắp		1.735.479.952
Phải thu tiền nhượng bán vật tư, TB	376.137.941	
Phải thu khác	124.422.865.197	108.699.994.655
Phải trả tiền KLXLHT	1.465.466.962	
<i>Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco</i>		
Phải thu tiền bán vật tư, thiết bị	5.836.817.025	13.380.543.168
Ứng trước tiền khối lượng công trình xây lắp	4.270.627.076	3.689.450.626
Phải thu khác	4.770.124.765	447.170.997
<i>Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco</i>		
Ứng trước tiền thiết kế công trình xây lắp	1.903.084.435	1.903.084.435
Phải thu khác	5.541.189.998	4.689.607.077
Phải trả tiền khối lượng công trình xây lắp	504.769.528	28.949.008
<i>Tập đoàn Sông Đà</i>		
Các khoản phải trả	0	2.991.067.463

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Hàng hoá: Nhượng bán vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành gia công cơ khí cho các Chi nhánh và Công ty con.
- Lĩnh vực Xây lắp: Gia công, lắp đặt công trình cơ khí.
- Lĩnh vực dịch vụ: Thiết kế công trình cơ khí, cho thuê nhà xưởng...

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý I/2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Hàng hoá	Xây lắp	Dịch vụ và khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Quý I năm 2011					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	341.943.583	13.361.461.933	747.012.383	-	14.450.417.899
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	3.816.608.375		533.547.756	(4.350.156.131)	0
Tổng doanh thu thuần	4.158.551.958	13.361.461.933	1.280.560.139	(4.350.156.131)	14.450.417.899
Chi phí bộ phận	4.158.551.958	13.109.657.088	574.234.364	(4.350.156.131)	13.492.287.279
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	40.000	251.804.845	706.325.775		958.170.620
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					958.170.620
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					6.160.990.442
Doanh thu hoạt động tài chính					6.372.333.075
Chi phí tài chính					
Thu nhập khác					
Chi phí khác					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					93.353.498
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					653.474.489
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				-	
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn		1.705.119.036		-	1.705.119.036
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				-	

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý I/2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hàng hoá	Xây lắp	Dịch vụ và khác	Các khoản loại trừ	Cộng
<u>Số cuối kỳ</u>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	6.212.954.966	607.925.890.116	894.252.168	(165.012.374.278)	450.020.722.972
Tài sản phân bổ cho bộ phận					
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					93.127.300.000
<i>Tổng tài sản</i>	6.212.954.966	607.925.890.116	894.252.168	(165.012.374.278)	543.148.022.972
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận		417.195.316.621			417.195.316.621
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					
<i>Tổng nợ phải trả</i>		417.195.316.621			417.195.316.621
<u>Số đầu năm</u>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	13.380.543.168	406.117.650.080			419.498.193.248
Tài sản phân bổ cho bộ phận					
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					92.627.300.000
<i>Tổng tài sản</i>	13.380.543.168	406.117.650.080			512.125.493.248
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận		386.811.261.386			386.811.261.386
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					
<i>Tổng nợ phải trả</i>		386.811.261.386			386.811.261.386

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP – Quý I/2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2011, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Lập, ngày 15 tháng 04 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Hồi

Phạm Đức Trọng

Trần Thanh Sơn